

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tấn Thanh.

2. Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1118/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1171/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị Mộng H, sinh năm 1985.

- **Bị đơn:** Anh Cao Văn H1, sinh năm 1984.

Cùng HKTT: 761/1, ấp 1, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, văn bản ý kiến và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn – chị Đinh Thị Mộng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Văn H1 chung sống với nhau vào năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào tháng 12/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã L, nhưng đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên hay cãi vã nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị H và con chung về sống tại ấp 5, xã H2 (cũ), huyện N, còn anh H1 vẫn sinh sống tại ấp 1, xã L, huyện N. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Cao Thị H3, sinh ngày 26/01/2011. Ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H3, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, anh Cao Văn H1 không có mặt tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến nộp Tòa án.

* Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Giấy chứng minh nhân dân, sổ HKTT của chị H; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh của con chung; Bản sao kê tài khoản của chị H từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2020 tại Ngân hàng Vietcombank; Bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án; Biên bản xác minh của Công an và UBND xã L, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh H1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2010. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân được 06 tháng. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H1, không có khả năng đoàn tụ nên chị H làm đơn này xin Tòa án cho chị được ly hôn với anh H1.

Do chị H và anh H1 kết hôn vào năm 2010, khi kết hôn anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật HNGĐ năm 2000. Nhận thấy, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H.

Về con chung: 01 con chung:

Cao Thị H3, sinh ngày 26/01/2011. Khi ly hôn, chị H yêu cầu Tòa giao cháu H3 cho chị H3 nuôi dưỡng, chị H3 không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Tại bản tự khai ngày 13/10/2020, cháu H3 có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H nên căn cứ vào Điều 58 Luật HNGĐ năm 2014, đề nghị Tòa án giao cháu H3 cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn - chị Đinh Thị Mộng H và bị đơn – anh Cao Văn H1, nhưng chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H, anh H1.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn khi có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ năm 2000, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyền số 01/2010 ngày 15/12/2010, được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, anh Cao Văn H1 không có mặt tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến nộp Tòa án. Điều đó thể hiện, anh H1 không có thiện chí, cũng không hề có biện pháp nào để cải thiện hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình với chị H trong khi chị H vẫn một mực cương quyết yêu cầu ly hôn với anh H1.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định chị H, anh H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vi phạm nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Thị H3, sinh ngày 26/01/2011. Hiện cháu H3 đang sinh sống cùng với chị H tại ấp 5, xã H2 (cũ), huyện N. Chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con và có cung cấp tài liệu chứng cứ về công việc có thu nhập cá nhân ổn định là bản sao kê tài khoản của chị H từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2020 tại Ngân hàng Vietcombank, còn anh H1 không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập theo yêu cầu của Tòa án. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 13/10/2020, cháu H3 có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H. Do đó, để đảm bảo

quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H3 về điều kiện môi trường sống (vật chất, tinh thần), giáo dục, nuôi dưỡng, nên việc chấp nhận yêu cầu của chị H: giao cháu H3 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh H1 không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp và đúng quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có, anh H1 không có ý kiến trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Mộng H về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với anh Cao Văn H1, xử cho chị H được ly hôn anh H1.

Về con chung: Giao cháu Cao Thị H3, sinh ngày 26/01/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Cao Văn H1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị H, anh H1 có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh H1 có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp anh H1 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh H1.

Vì lợi ích của con chung, chị H, anh H1 hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Mộng H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên

lai thu số 0000734 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, chị H đã nộp đủ xong.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND h. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch;
- UBND xã L, huyện N,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương

Vì lợi ích của con chung, chị Huyền, anh Hạng hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Mộng Huyền phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA